

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1164/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 5 - 2021
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.
2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1928/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2236/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hùng M Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Hồng K Sinh năm: 1984.

Hộ khẩu thường trú: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà K vắng mặt, ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 22/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Hùng M trình bày:

Ông M và bà K chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89, Quyền số 1/2008 do Ủy ban nhân dân phường An Khánh, Quận 2 (nay là phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2008. Việc chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xung đột do bất đồng về suy nghĩ, không có tiếng nói chung. Đặc biệt do hoàn cảnh khó khăn nên hay cãi nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nhận thấy lối sống và cách nghĩ hoàn toàn khác biệt nhau nên ông bà đã sống ly thân. Hiện nay, bà K đang sống cùng với 02 con tại địa chỉ: A8/B Lương Định Của, phường An Khánh (nay là phường Thủ Thiêm), thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông M xác định không còn tình cảm với bà K, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông M và bà K có 02 con chung tên Nguyễn Gia L, sinh ngày 14/12/2010 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 27/7/2012. Ông M đồng ý giao 02 con chung cho bà K tiếp tục nuôi và cấp dưỡng cho con số tiền 10.000.000 đồng/tháng/02 con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị Hồng K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của bà K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Nguyễn Hùng M yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Hồng K nên căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Công an phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức tại Phiếu yêu cầu xác minh số 244/PYCXM ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thì có cơ sở xác định bị đơn bà Bùi Thị Hồng K có hộ khẩu thường trú tại: Đường X, phường Y, quận Z, thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn bà K tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2021 và ngày 10/5/2021 nhưng bà K vắng mặt

không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà K.

Xét đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của ông M là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Hùng M, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông M và bà K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89, Quyền số 1/2008 do Ủy ban nhân dân phường An Khánh, Quận 2 (nay là phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2008. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà K là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3.2] Căn cứ lời trình bày của ông M trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa ông và bà K thường xuyên cãi nhau do bất đồng về suy nghĩ, về cách sống và do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông M và bà K đã sống ly thân và ông xác định không còn tình cảm với bà K. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên ông M yêu cầu được ly hôn với bà K.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Bùi Thị Hồng K mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà K đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa bà và ông M. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà K là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu của ông M xin ly hôn với bà K là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.5] Về con chung: Ông M và bà K có 02 con chung tên Nguyễn Gia L, sinh ngày 14/12/2010 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 27/7/2012. Do 02 con chung là con gái và hiện đang sống chung ổn định với bà K nên ông M đồng ý giao 02 con chung cho bà K tiếp tục nuôi là hợp lý. Ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng/01 con. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Hùng M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Bùi Thị Hồng K không phải chịu án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng M:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hùng M được ly hôn với bà Bùi Thị Hồng K.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Gia L, sinh ngày 14/12/2010 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 27/7/2012 cho bà Bùi Thị Hồng K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/01 con, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Bùi Thị Hồng K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hùng M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định trên thì hàng tháng ông M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Hùng M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0028466 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông M phải nộp thêm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà K không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Hùng M và bà Bùi Thị Hồng K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi